

Số: **39** /2022/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày **28** tháng **10** năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của UBND tỉnh Lai Châu quy định định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 1918/TTr-SNN ngày 19/9/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của UBND tỉnh Lai Châu quy định định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

1. Bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn giống cây trồng nông nghiệp vào Phụ lục I, Điều 2 như sau:

a) Bổ sung cây Dong riềng vào sau số thứ tự thứ 16, mục III, Phụ lục I như sau:

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

b) Bổ sung cây Cà gai leo vào sau số thứ tự thứ 17, mục VII, Phụ lục I như sau:

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục II, Điều 2 như sau:

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*

**Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các sở, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2022.

2. Những nội dung còn lại không sửa đổi, bổ sung theo Quyết định này tiếp tục thực hiện theo Quyết định 31/2021/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của UBND tỉnh Lai Châu quy định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Kt9.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hà Trọng Hải**

**PHỤ LỤC I**

**BỔ SUNG ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT, TIÊU CHUẨN GIỐNG CÂY TRỒNG NÔNG NGHIỆP**

*(Kèm theo Quyết định số 39 /2022/QĐ-UBND ngày 28 / 10 /2022 của UBND tỉnh Lai Châu)*

STT	Loại cây trồng	ĐVT	Số lượng cho 01 ha	Yêu cầu chất lượng giống
<b>III</b>	<b>Cây rau màu</b>			
<b>17</b>	<b>Cây dong riềng</b>			Củ bánh tẻ, to vừa phải, đồng đều, không bị trầy xước, sạch bệnh, có nhiều mầm
-	Giống	Kg	2.000	
-	Phân đạm	Kg	400	
-	Phân Lân	Kg	530	
-	Phân Kali	Kg	320	
-	Vôi bột	Kg	400	
-	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2.000	
-	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	
<b>VII</b>	<b>Cây dược liệu</b>			
<b>18</b>	<b>Cây cà gai leo</b>			- Tiêu chuẩn cây nhân giống hữu tính: cây có thân mọc thẳng, khỏe, lá xanh tốt, có từ 5-7 lá; cây không bị cụt ngọn, đang sinh trưởng phát triển tốt, bộ rễ khỏe, không mang mầm bệnh; cây phải đạt chiều cao từ 15-20cm; đường kính thân từ 0,3-0,4cm; tuổi cây 2,5 tháng tính từ khi gieo ươm hạt. - Tiêu chuẩn cây nhân giống vô tính: Cây giống cứng cây, có ít nhất 1 mầm chồi mới trở lên, bộ lá xanh tốt, có từ 5-7 lá; cây hom giống sinh trưởng phát triển tốt, bộ rễ khỏe, không bị sâu bệnh; chiều dài mầm chồi đạt 15-20cm; đường kính mầm chồi đạt 0,3-0,4cm; tuổi cây giống trên 60 ngày tuổi
-	Giống	Cây	50.000	
-	Đạm Urê	Kg	170	
-	Supe lân	Kg	370	
-	Kali clorua	Kg	80	
-	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2.000	



**PHỤ LỤC II**  
**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT, TIÊU CHUẨN**  
**GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP**

(Kèm theo Quyết định số **39** /2022/QĐ-UBND ngày **28** /**10** /2022 của UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Loại cây trồng	ĐVT	Số lượng cho 01 ha	Yêu cầu chất lượng giống
<b>1</b>	<b>Trồng rừng Quế</b>			<p>- Cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; sinh trưởng, phát triển tốt, không cong queo, cụt ngọn; không bị sâu, bệnh hại.</p> <p>- Tiêu chuẩn cây giống: + Cây giống có độ tuổi từ 12 tháng tuổi trở lên. + Chiều cao vút ngọn (Hvn) <math>\geq</math> 35 cm; Đường kính cổ rễ (Dcr) <math>\geq</math> 0,3 cm.</p>
a)	Trồng rừng với mật độ 5.000 cây/ha			
-	Cây trồng mới	Cây	5.000	
-	Cây trồng dặm (10%)	Cây	500	
-	Phân bón NPK tỷ lệ 5:10:3 (0,1 kg/cây) năm thứ 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	500	
b)	Trồng rừng với mật độ 3.300 cây/ha			
-	Cây trồng mới	Cây	3.300	
-	Cây trồng dặm (10%)	Cây	330	
-	Phân bón NPK tỷ lệ 5:10:3 (0,1 kg/cây) năm thứ 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	330	
<b>2</b>	<b>Mắc ca trồng thuần</b>			
-	Cây giống	Cây	280	
-	Cây giống trồng dặm (10%)	Cây	28	
-	Phân bón			
+	Năm trồng (bón lót)			
	Phân NPK	Kg	140	
	Vôi bột	Kg	80	
+	Năm thứ 2			
	Phân NPK	Kg	25	
	Phân hữu cơ vi sinh (2 kg/cây)	Kg	560	
	Vôi bột	Kg	25	
+	Năm thứ 3			
	Phân NPK	Kg	55	
	Phân hữu cơ vi sinh (2 kg/cây)	Kg	560	
	Vôi bột	Kg	25	

<b>3</b>	<b>Mắc ca trồng xen</b>			
-	Cây giống	Cây	110	
-	Cây giống trồng dặm (10%)	Cây	11	
-	Phân bón			
+	Năm trồng (bón lót)			
	Phân NPK	Kg	55	
	Vôi bột	Kg	30	
+	Năm thứ 2			
	Phân NPK	Kg	10	
	Phân hữu cơ vi sinh (2 kg/cây)	Kg	220	
	Vôi bột	Kg	10	
+	Năm thứ 3			
	Phân NPK	Kg	20	
	Phân hữu cơ vi sinh (2 kg/cây)	Kg	220	
	Vôi bột	Kg	10	
<b>4</b>	<b>Trồng rừng Trám trắng, Trám đen, Giỏ ứn hạt bằng cây ghép</b>			
-	Cây giống	Cây	500	
-	Cây giống trồng dặm (10%)	Cây	50	
-	Phân bón			
+	Năm trồng (bón lót)			
	Phân NPK (16:16:8) (0,5 kg/cây)	Kg	250	
	Phân hữu cơ vi sinh (2 kg/cây)	Kg	1.000	
	Thuốc chống mối (0,02 kg/cây)	Kg	10	
	Chế phẩm sinh học/thuốc BVTV	Triệu đồng	3	
+	Năm thứ 2, thứ 3			
	Phân NPK (16:16:8) (1 kg/cây)	Kg/năm	500	
	Phân hữu cơ vi sinh (1 kg/cây)	Kg/năm	500	
	Chế phẩm sinh học/thuốc BVTV	Triệu đồng	3	

Cây giống phải đảm bảo các tiêu chí sau:  
- Có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.  
- Là cây ghép.  
- Tuổi cây (tính từ thời điểm ghép): từ 6 tháng tuổi trở lên;  
- Tiêu chuẩn sinh lý: Hvn  $\geq$  50 cm; chiều cao chồi ghép đã hóa gỗ từ 20 cm trở lên; Dcr  $\geq$  1,0 cm.  
- Cây giống sinh trưởng, phát triển tốt; không cong queo, cụt ngọn; không bị sâu, bệnh hại.

- Cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; sinh trưởng, phát triển tốt, không cong queo, cụt ngọn; không bị sâu, bệnh hại.  
- Tiêu chuẩn cây giống:  
+ Tuổi cây (tính từ thời điểm ghép): 6 tháng tuổi trở lên.  
+ Chiều cao vút ngọn (Hvn) từ 50 - 60 cm, chiều dài của cành ghép  $\geq$  20 cm.  
+ Đường kính cổ rễ (Dcr)  $\geq$  1 cm.



5	<b>Trồng rừng Trám đen, Trám trắng bằng cây gieo vòm từ hạt</b>				- Cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; sinh trưởng, phát triển tốt, không cong queo, cụt ngọn; không bị sâu, bệnh hại. - Tiêu chuẩn cây giống: + Tuổi cây: 9 tháng đến 12 tháng kể từ khi cấy cây con vào bầu. + Chiều cao vút ngọn (Hvn) $\geq$ 60 cm; Đường kính cổ rễ $\geq$ 0,6 cm.
-	Cây trồng mới	Cây	1.000		
-	Cây trồng dặm (10%)	Cây	100		
-	Phân bón NPK (0,2 kg/cây)				
+	Năm thứ 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	200		
6	<b>Trồng rừng Téch</b>				- Cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; sinh trưởng, phát triển tốt, không cong queo, cụt ngọn; không bị sâu, bệnh hại. - Tiêu chuẩn cây giống: + Cây giống có độ tuổi từ 6 - 8 tháng tuổi trở lên. + Chiều cao vút ngọn (Hvn) $\geq$ 30 cm; Đường kính cổ rễ (Dcr) $\geq$ 0,3 cm.
-	Cây giống trồng mới	Cây	1.600		
-	Cây giống trồng dặm (10%)	Cây	160		
-	Phân bón NPK (5:10:3)				
+	Năm thứ 1, năm 2, năm 3 (0,3 kg/cây)	Kg/năm	480		
7	<b>Trồng rừng Giổi xanh</b>				- Cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; sinh trưởng, phát triển tốt, không cong queo, cụt ngọn; không bị sâu, bệnh hại. - Tiêu chuẩn cây giống: + Tuổi cây: 10 - 12 tháng kể từ khi cấy cây con vào bầu. + Chiều cao vút ngọn (Hvn) $\geq$ 60 cm; Đường kính cổ rễ (Dcr) $\geq$ 0,7 cm.
-	Cây trồng mới	Cây	600		
-	Cây trồng dặm (10%)	Cây	60		
-	Phân bón NPK (0,2 kg/cây)				
+	Năm thứ 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	120		
8	<b>Trồng rừng Sa mộc (Sa mu)</b>				- Cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; sinh trưởng, phát triển tốt, không cong queo, cụt ngọn; không bị sâu, bệnh hại. - Tiêu chuẩn cây giống: + Cây giống có độ tuổi từ 8 - 12 tháng tuổi trở lên. + Chiều cao vút ngọn (Hvn) $\geq$ 30 cm; Đường kính cổ rễ (Dcr) $\geq$ 0,3 cm.
-	Cây trồng mới	Cây	2.000		
-	Cây trồng dặm (10%)	Cây	200		
-	Phân bón NPK (0,2 kg/cây)				
+	Năm thứ 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	400		
9	<b>Trồng rừng Re gừng</b>				- Cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; sinh trưởng, phát triển tốt, không cong queo, cụt ngọn; không bị sâu, bệnh hại. - Tiêu chuẩn cây giống: + Cây giống có độ tuổi từ 6 - 8 tháng tuổi trở lên. + Chiều cao vút ngọn (Hvn) $\geq$ 30 cm; Đường kính cổ rễ (Dcr) $\geq$ 0,3 cm.
-	Cây trồng mới	Cây	1.600		
-	Cây trồng dặm (10%)	Cây	160		
-	Phân bón NPK (0,2 kg/cây)	Kg			
+	Năm thứ 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	320		
10	<b>Trồng rừng Sưa (Trắc thối, Huê mộc)</b>				- Cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; sinh trưởng, phát triển tốt, không cong queo, cụt ngọn; không bị sâu, bệnh hại. - Tiêu chuẩn cây giống: + Cây giống có độ tuổi từ 10 - 12 tháng tuổi trở lên. + Chiều cao vút ngọn (Hvn) $\geq$ 30 cm; Đường kính cổ rễ (Dcr) $\geq$ 0,3 cm.
-	Cây trồng mới	Cây	1.600		
-	Cây trồng dặm (10%)	Cây	160		
-	Phân bón NPK (0,2 kg/cây)				
+	Năm thứ 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	320		

<b>11</b>	<b>Trồng rừng Mỡ</b>				- Cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; sinh trưởng, phát triển tốt, không cong queo, cụt ngọn; không bị sâu, bệnh hại. - Tiêu chuẩn cây giống: + Tuổi cây: từ 4 - 6 tháng tuổi kể từ khi hạt đã qua xử lý được cấy vào bầu. + Chiều cao vút ngọn (Hvn) $\geq$ 40 cm; Đường kính cổ rễ (Dcr) $\geq$ 0,4 cm.
-	Cây trồng mới	Cây	2.500		
-	Cây trồng dặm (10%)	Cây	250		
-	Phân bón NPK (0,2 kg/cây)				
+	Năm thứ 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	500		
<b>12</b>	<b>Trồng rừng Thông mã vĩ (Thông đười ươi), Thông nhựa, Thông ba lá</b>				- Cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; sinh trưởng, phát triển tốt, không cong queo, cụt ngọn; không bị sâu, bệnh hại. - Tiêu chuẩn cây giống Thông mã vĩ: + Tuổi cây: từ 6 - 9 tháng tuổi kể từ khi cây mầm được cấy vào bầu. + Chiều cao vút ngọn (Hvn) từ 25 - 30 cm; Đường kính cổ rễ (Dcr) từ 0,3 - 0,4 cm. - Tiêu chuẩn cây giống Thông nhựa: + Tuổi cây: từ 12 - 18 tháng tuổi kể từ khi cây mầm được cấy vào bầu. + Chiều cao vút ngọn (Hvn) $\geq$ 15 cm; Đường kính cổ rễ (Dcr) $\geq$ 0,8 cm. - Tiêu chuẩn cây giống Thông ba lá: + Tuổi cây: từ 6 - 8 tháng tuổi kể từ khi cây mầm được cấy vào bầu. + Chiều cao vút ngọn (Hvn) $\geq$ 20 cm; Đường kính cổ rễ (Dcr) $\geq$ 0,6 cm.
-	Cây trồng mới	Cây	2.000		
-	Cây trồng dặm (10%)	Cây	200		
-	Phân bón NPK (0,2 kg/cây)				
+	Năm thứ 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	400		
<b>13</b>	<b>Trồng rừng Lát hoa</b>				- Cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; sinh trưởng, phát triển tốt, không cong queo, cụt ngọn; không bị sâu, bệnh hại. - Tiêu chuẩn cây giống: + Tuổi cây: từ 7 - 9 tháng tuổi kể từ khi cấy cây con vào bầu. + Chiều cao vút ngọn (Hvn) $\geq$ 70 cm; Đường kính cổ rễ (Dcr) $\geq$ 0,6 cm.
-	Cây trồng mới	Cây	600		
-	Cây trồng dặm (10%)	Cây	60		
-	Phân bón NPK (0,2 kg/cây)				
+	Năm thứ 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	120		
<b>14</b>	<b>Trồng rừng Tổng quá sủ</b>				- Cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; sinh trưởng, phát triển tốt, không cong queo, cụt ngọn; không bị sâu, bệnh hại. - Tiêu chuẩn cây giống: + Cây giống có độ tuổi từ 6 - 8 tháng tuổi trở lên. + Chiều cao vút ngọn (Hvn) $\geq$ 30 cm; Đường kính cổ rễ (Dcr) $\geq$ 0,3 cm.
-	Cây trồng mới	Cây	1.600		
-	Cây trồng dặm (10%)	Cây	160		
-	Phân bón NPK (0,2 kg/cây)				
+	Năm thứ 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	320		



15	<b>Trồng rừng Sơn tra (Táo mèo)</b>				<p>- Cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; sinh trưởng, phát triển tốt, không cong queo, cụt ngọn; không bị sâu, bệnh hại.</p> <p>- Tiêu chuẩn cây giống: + Cây giống có độ tuổi từ 6 - 8 tháng tuổi trở lên. + Chiều cao vút ngọn (Hvn) <math>\geq</math> 30 cm; Đường kính cổ rễ (Dcr) <math>\geq</math> 0,3 cm.</p>
-	Cây trồng mới	Cây	500		
-	Cây trồng dặm (10%)	Cây	50		
-	Phân bón NPK (0,2 kg/cây)				
+	Năm thứ 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	100		
16	<b>Trồng rừng Xoan ta</b>				<p>- Cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; sinh trưởng, phát triển tốt, không cong queo, cụt ngọn; không bị sâu, bệnh hại.</p> <p>- Tiêu chuẩn cây giống: + Tuổi cây: từ 10 - 12 tháng tuổi kể từ khi hạt đã qua xử lý được cấy vào bầu. + Chiều cao vút ngọn (Hvn) <math>\geq</math> 70 cm; Đường kính cổ rễ (Dcr) <math>\geq</math> 0,6 cm.</p> <p>- Tiêu chuẩn hạt giống: Hạt giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, chắc khỏe, không nấm mốc, sâu bệnh, không lẫn tạp chất.</p>
a)	Trồng rừng bằng cây giống có bầu				
-	Cây trồng mới	Cây	3.300		
-	Cây trồng dặm (10%)	Cây	330		
-	Phân bón NPK (0,1 kg/cây)				
+	Năm thứ 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	330		
b)	Trồng rừng từ hạt ( <i>mật độ trồng 3.300 cây/ha</i> )				
-	Giống trồng mới	Kg	4		
-	Giống trồng dặm (10%)	Kg	0,4		
-	Phân bón NPK (0,1 kg/cây)				
+	Năm thứ 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	330		
17	<b>Trồng rừng Trầu từ hạt (<i>mật độ 3.300 cây/ha</i>)</b>				<p>Hạt giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, chắc khỏe, không nấm mốc, sâu bệnh, không lẫn tạp chất.</p>
-	Giống trồng mới	Kg	26		
-	Giống trồng dặm (10%)	Kg	2,6		
-	Phân bón NPK (0,1 kg/cây)				
+	Năm thứ 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	330		
18	<b>Trồng rừng hỗn loài Giỏi xanh + Xoan ta</b>				<p>- Cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; sinh trưởng, phát triển tốt, không cong queo, cụt ngọn; không bị sâu, bệnh hại.</p> <p>- Tiêu chuẩn cây giống Giỏi xanh: + Tuổi cây: 10 - 12 tháng kể từ khi cấy cây con vào bầu. + Chiều cao vút ngọn (Hvn) <math>\geq</math> 60 cm; Đường kính cổ rễ (Dcr) <math>\geq</math> 0,7 cm.</p> <p>- Tiêu chuẩn cây giống Xoan ta: + Tuổi cây: từ 10 - 12 tháng tuổi kể từ khi hạt đã qua xử lý được cấy vào bầu. + Chiều cao vút ngọn (Hvn) <math>\geq</math> 70 cm; Đường kính cổ rễ (Dcr) <math>\geq</math> 0,6 cm.</p>
-	Cây trồng mới				
+	Giỏi xanh	Cây	500		
+	Xoan ta	Cây	1.000		
-	Cây trồng dặm (10%)				
+	Giỏi xanh	Cây	50		
+	Xoan ta	Cây	100		
-	Phân bón NPK (0,2 kg/cây)				
+	Năm thứ 1, năm thứ 2, năm thứ 3	Kg/năm	300		



19	<b>Trồng rừng hỗn loài Sơn tra + Thông mã vĩ (Thông đuôi ngựa)/ Thông ba lá/ Thông nhựa</b>				- Cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; sinh trưởng, phát triển tốt, không cong queo, cụt ngọn; không bị sâu, bệnh hại. - Tiêu chuẩn cây giống Sơn tra: + Cây giống có độ tuổi từ 6 - 8 tháng tuổi trở lên.
-	Cây trồng mới				
+	Sơn tra	Cây	400		+ Chiều cao vút ngọn (Hvn) $\geq 30$ cm; Đường kính cổ rễ (Dcr) $\geq 0,3$ cm.
+	Thông mã vĩ (Thông đuôi ngựa)/ Thông ba lá/ Thông nhựa	Cây	100		- Tiêu chuẩn cây giống Thông mã vĩ: + Tuổi cây: từ 6 - 9 tháng tuổi kể từ khi cây mầm được cấy vào bầu. + Chiều cao vút ngọn (Hvn) từ 25 - 30 cm; Đường kính cổ rễ (Dcr) từ 0,3 - 0,4 cm.
-	Cây trồng dặm (10%)				- Tiêu chuẩn cây giống Thông ba lá: + Tuổi cây: từ 6 - 8 tháng tuổi kể từ khi cây mầm được cấy vào bầu.
+	Sơn tra	Cây	40		+ Chiều cao vút ngọn (Hvn) $\geq 20$ cm; Đường kính cổ rễ (Dcr) $\geq 0,6$ cm.
+	Thông mã vĩ/ Thông ba lá/ Thông nhựa	Cây	10		- Tiêu chuẩn cây giống Thông nhựa: + Tuổi cây: từ 12 - 18 tháng tuổi kể từ khi cây mầm được cấy vào bầu. + Chiều cao vút ngọn (Hvn) $\geq 15$ cm; Đường kính cổ rễ (Dcr) $\geq 0,8$ cm.
-	Phân bón NPK (0,2 kg/cây)				
+	Năm thứ 1, năm thứ 2, năm thứ 3	Kg/năm	100		